

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NA SON
TRƯỜNG: MẦM NON SAO MAI
CÔNG KHAI KHẨU PHẦN ĂN TRẺ MẪU GIÁO THEO THỰC ĐƠN THÁNG 01 NĂM 2026
(Thực hiện từ ngày 05/01/2026 đến 30/01/2026)

- Số ngày báo ăn ước thực hiện tháng 01/2026 là 21 ngày

Định mức: 14.415 đồng/ngày/trẻ Trong đó

- mức ăn dự án: 6.800đ/trẻ

- mức ăn theo NĐ 105: 7.615 đ/trẻ

Bữa chính trưa: 8.415 đồng/ngày

Bữa phụ chiều: 6.000 đồng/ngày/trẻ

DVT: đồng

STT	Tên hàng	ĐVT	Số lượng bữa phụ/trẻ	Số lượng bữa trưa/trẻ	Đơn giá	Định mức tiền/trẻ	Ghi chú
1	Dầu ăn Orchid	Lít		0,003	55.000	170	Thứ 2
2	Muối hạt	Kg		0,005	6.000	30	
3	Mì chính vedan	Kg		0,002	60.000	100	
4	Dầu rửa chén Power	Lít		0,004	28.000	100	
5	Canh rau, củ, quả	Kg		0,067	15.000	1.000	
6	Giò lụa	Kg		0,043	150.000	6.515	
7	Cà Chua	Kg		0,017	30.000	500	
8	Sữa Mộc Châu 110ml	Hộp	1,000		5.000	5.000	
9	Bánh quy kem	Gói	0,050		20.000	1.000	
Tổng cộng						14.415	
1	Dầu ăn Orchid	Lít		0,003	55.000	170	Thứ 3
2	Muối hạt	Kg		0,005	6.000	30	
3	Mì chính vedan	Kg		0,002	60.000	100	
4	Dầu rửa chén Power	Lít		0,004	28.000	100	
5	Canh rau, củ, quả	Kg		0,067	15.000	1.000	
6	Thịt lợn mỡ	Kg		0,050	140.000	7.015	
7	Sữa Mộc Châu 110ml		1,000		5.000	5.000	
9	Thịt lợn mỡ (bữa phụ)	Kg	0,007		140.000	1.000	
Tổng cộng						14.415	
1	Dầu ăn Orchid	Lít		0,003	55.000	170	Thứ 4
2	Muối hạt	Kg		0,005	6.000	30	
3	Mì chính vedan	Kg		0,002	60.000	100	
4	Dầu rửa chén Power	Lít		0,004	28.000	100	
5	Canh rau, củ, quả	Kg		0,067	15.000	1.000	
6	Trứng vịt	Quả		1,000	4.000	4.000	
7	Thịt lợn mỡ	kg		0,022	140.000	3.015	

8	Sữa Mộc Châu 110ml	Hộp	1,000		5.000	5.000	
9	Bánh quy kem	Gói	0,050		20.000	1.000	
Tổng cộng						14.415	
1	Dầu ăn Orchid	Lít		0,003	55.000	170	Thứ 5
2	Muối hạt	Kg		0,005	6.000	30	
3	Mì chính vedan	Kg		0,002	60.000	100	
4	Dầu rửa chén Power	Lít		0,004	28.000	100	
5	Canh rau củ quả	Kg		0,067	15.000	1.000	
6	Thịt lợn mỡ	Kg		0,050	140.000	7.015	
8	Sữa Mộc Châu 110ml		1,000		5.000	5.000	
9	Bún khô	Kg	0,020		25.000	500	
10	Thịt lợn mỡ (bữa phụ)	Kg	0,004		140.000	500	
Tổng cộng						14.415	
1	Dầu ăn Orchid	Lít		0,003	55.000	170	Thứ 6
2	Muối hạt	Kg		0,005	6.000	30	
3	Mì chính vedan	Kg		0,002	60.000	100	
4	Dầu rửa chén Power	Lít		0,004	28.000	100	
5	Canh rau củ quả	Kg		0,050	20.000	1.000	
6	Đeo cá ngừ	Kg		0,054	120.000	6.515	
7	Cà chua	Kg		0,017	30.000	500	
8	Sữa Mộc Châu 110ml		1,000		5.000	5.000	
9	Bánh quy kem	Gói	0,050		20.000	1.000	
Tổng cộng						14.415	

Người lập



Lường Thị Biêng

Kế toán



Lường Thị Biêng

P. Hiệu trưởng



Vũ Thị Nga

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NA SON
TRƯỜNG: MẦM NON SAO MAI
CÔNG KHAI KHẨU PHẦN ĂN TRẺ NHÀ TRẺ THEO THỰC ĐƠN THÁNG 01 NĂM 2026
(Thực hiện từ ngày 05/01/2026 đến 30/01/2026)

- Số ngày báo ăn ước thực hiện tháng 01/2026 là 21 ngày

Định mức: 17.140 đồng/ngày/trẻ

Bữa chính trưa: 10.640 đồng/ngày

Bữa phụ chiều: 6.500 đồng/ngày/trẻ

DVT: đồng

STT	Tên hàng	ĐVT	Số lượng bữa phụ/trẻ	Số lượng bữa trưa/trẻ	Đơn giá	Định mức tiền/trẻ	Ghi chú
1	Dầu ăn Orchid	Lít		0,003	55.000	170	Thứ 2
2	Muối hạt	Kg		0,005	6.000	30	
3	Mì chính vedan	Kg		0,002	60.000	100	
4	Dầu rửa chén Power	Lít		0,004	28.000	100	
5	Canh rau, củ, quả	Kg		0,067	15.000	1.000	
6	Giò lụa	Kg		0,058	150.000	8.740	
7	Cà Chua	Kg		0,017	30.000	500	
8	Sữa Mộc Châu 110ml		1,000		5.000	5.000	
9	Bánh quy kem	Gói	0,075		20.000	1.500	
Tổng cộng						17.140	
1	Dầu ăn Orchid	Lít		0,003	55.000	170	Thứ 3
2	Muối hạt	Kg		0,005	6.000	30	
3	Mì chính vedan	Kg		0,002	60.000	100	
4	Dầu rửa chén Power	Lít		0,004	28.000	100	
5	Canh rau, củ, quả	Kg		0,067	15.000	1.000	
6	Thịt lợn mỡng	Kg		0,066	140.000	9.240	
7	Sữa Mộc Châu 110ml		1,000	1,000	5.000	5.000	
9	Thịt lợn mỡng (bữa phụ)	Kg	0,011		140.000	1.500	
Tổng cộng						17.140	
1	Dầu ăn Orchid	Lít		0,003	55.000	170	Thứ 4
2	Muối hạt	Kg		0,005	6.000	30	
3	Mì chính vedan	Kg		0,002	60.000	100	
4	Dầu rửa chén Power	Lít		0,004	28.000	100	
5	Canh rau, củ, quả	Kg		0,067	15.000	1.000	
6	Trứng vịt	Quả		1,000	4.000	4.000	
7	Thịt lợn mỡng	Kg		0,037	140.000	5.240	
8	Sữa Mộc Châu 110ml	Hộp	1,000		5.000	5.000	

9	Bánh quy kem	Kg	0,075		20.000	1.500	
Tổng cộng						17.140	
1	Dầu ăn Orchid	Lít		0,003	55.000	170	Thứ 5
2	Muối hạt	Kg		0,005	6.000	30	
3	Mì chính vedan	Kg		0,002	60.000	100	
4	Dầu rửa chén Power	Lít		0,004	28.000	100	
5	Canh rau củ quả	Kg		0,067	15.000	1.000	
6	Thịt lợn mỡ	Kg		0,066	140.000	9.240	
8	Sữa Mộc Châu 110ml		1,000		5.000	5.000	
9	Bún khô		0,032		25.000	800	
10	Thịt lợn mỡ (bữa phụ)	Kg	0,005		140.000	700	
Tổng cộng						17.140	
1	Dầu ăn Orchid	Lít		0,003	55.000	170	Thứ 6
2	Muối hạt	Kg		0,005	6.000	30	
3	Mì chính vedan	Kg		0,002	60.000	100	
4	Dầu rửa chén Power	Lít		0,004	28.000	100	
5	Canh rau củ quả	Kg		0,050	20.000	1.000	
6	Đeo cá ngừ	Kg		0,073	120.000	8.740	
7	Cà chua	Kg		0,017	30.000	500	
8	Sữa Mộc Châu 110ml		1,000		5.000	5.000	
9	Bánh quy kem	Gói	0,075		20.000	1.500	
Tổng cộng						17.140	

Người lập



Lường Thị Biêng

Kế toán



Lường Thị Biêng

P. Hiệu trưởng



Vũ Thị Nga

